

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:2019 /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá gói thầu
SH2027-SCĐK-05 “Cung cấp vật tư
Hệ thống Khói gió phục vụ BĐĐK
năm 2027 – NMNĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư Hệ thống Khói gió phục vụ BĐĐK năm 2027 – NMNĐ Sông Hậu 1. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp vật tư Hệ thống Khói gió cho các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục 1: Phạm vi công việc đính kèm*.
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Từ 23/8/2027 đến 08/9/2027.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 17 h 00 ' ngày 19 /10 /2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
- Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, được ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của ý công ty như *Phụ lục 2 :Biểu chào giá đính kèm*) qua thư điện tử theo các địa chỉ email: nhanbaogia.hn@pvpgb.vn; longh@pvpgb.vn; nganpt01@pvpgb.vn.
- Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Phương Thảo Ngân – Phòng Thương mại, Tel: 034.603.2973.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐCN (để b/c);
- Các PGĐ CN (e-copy);
- Lưu: VT, TM (P.T.Ngân).

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Phạm vi công việc.
- Phụ lục 2: Biểu chào giá.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu Hương



PHỤ LỤC 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm Công văn số 2019 /CNPD-TM ngày 09 /10 /2026)

THÔNG TIN MUA SẴM								THÔNG TIN HIỆN HỮU TẠI NHÀ MÁY		
STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
	PHẦN CƠ NHIỆT									
	PAF		FAN TYPE: L3N 2016.00.00 DBV6F							SH1-DHI- P1HLB-M-M01- MAN-1644 (Page: 77)
1		Outlet expansion joints	Outlet expansion joints 1638x2044x300mm	Howden	Châu Âu/G7/ OECD	2	PC	53901033		SH1-DHI- P1HLB-M-M01- MAN-1644 (Page: 83) No: 2
2		Flexible coupling	Flexible for KTR Rotex Size GS 19 claw 6EA	KTR Rotex	Châu Âu/G7/ OECD	8	PC	51746016		Thông số thực tế
		Damper inlet								SH1-DHI- P1HLB-M-M01- MAN-1644 (Page: 69)
3		SUB - ASSEMBLY OF LINKAGE	C019070 - 1503	Howden		24	PC	53901039		No: 107/05
4		VANE SPINDLE BEARING	GLY.PG 404440 F	Howden		48	PC	53901042		No: 107/103
5		VANE SPINDLE WASHER 60 O/D x 40 I/D x 2 THK	EN S235JRG2	Howden		48	PC	53901043		No: 107/104



STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
		DE BEARING ASSAMBLY	HORIZONTAL BEARING ASSEMBLY HSR14/BKRT160/SB180/SZ160 Order information (Part N0): BP11784	Howden						SH1-DHI-P1HLB-M-M01-MAN-1644 (Page: 85-86)
6		Bearing	Material: Mild Steel to SANS 50025/EN10025 S355 JO	Howden		1	PC	53901045		No: 12 Part No: BP8969/160-1
7		Floating Labyrinth Seal	Material: Polythermide	Howden		1	PC	53901046		No: 18 Part No: BP8326/160-5 (BP8163/160-2)
8		Floating Labyrinth Seal	Material: Polythermide	Howden		1	PC	53901047		No: 18A Part No: BP8326/180-5 (BP8163/180-2)
9		Garter Spring	Ø4 x 0,8 Wire x 530 Lg. Stainless Steel Spring Wire to 12R10-302	Howden		1	PC	53901048		No: 19
10		Garter Spring	Ø4 x 0,8 Wire x 590 Lg. Stainless Steel Spring Wire to 12R10-302	Howden		1	PC	53901049		No: 19A
11		IP55 Dust Seal	Material: Aluminium LM25	Howden		1	PC	53901050		No: 21 Part No: BP11153/180-0
12		Oil Ring	Material: Bronze SABS 200 3D, BS1400 LG2	Howden		1	PC	53901051		No: 27 Part N0: BP4102-5
		NDE BEARING ASSAMBLY	HORIZONTAL BEARING ASSEMBLY HSR14/BKRW160/SB180/SZ160 Order information (Part N0): BP11785	Howden						SH1-DHI-P1HLB-M-M01-MAN-1644 (Page: 87-88)
13		Bearing	Material: Mild Steel to SANS 50025/EN10025 S355 JO	Howden		1	PC	53901052		No: 12 Part No: BP8503/160-1
14		Floating Labyrinth Seal	Material: Polythermide	Howden		1	PC	53901053		No: 18



STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
										Part No: BP8326/160-5 (BP8163/160-2)
15		Floating Labyrinth Seal	Material: Polythermide	Howden		1	PC	53901054		No: 18A Part No: BP8326/180-5 (BP8163/180-2)
16		Garter Spring	Ø4 x 0,8 Wire x 530 Lg. Stainless Steel Spring Wire to 12R10-302	Howden		1	PC	53901055		No: 19
17		Garter Spring	Ø4 x 0,8 Wire x 590 Lg. Stainless Steel Spring Wire to 12R10-302	Howden		1	PC	53901056		No: 19A
18		IP55 Dust Seal	Material: Aluminium LM25	Howden		1	PC	53901057		No: 21 Part No: BP11153/180-0
19		Oil Ring	Material: Bronze SABS 200 3D, BS1400 LG2	Howden		1	PC	53901058		No: 27 Part No: BP4102-5
	IDF		Fan type and size: PFTO-265-129-64	Howden						
		IMPELLER & HYDRAULIC CYLINDER SYSTEM		Howden						
20		Sealing ring		Howden	Châu Âu/G7	136	PC	53901066		Item No: 09 Part No: V8509132
21		Control stub		Howden	Châu Âu/G7	95	PC	53901029		Item No: 18 Part No: V8514608
22		Spherical bearing	GE 17C	SKF	Châu Âu/G7	129	PC	50400010		Item No: 19 Part No: P80001741
23		Flanged ring	SB 30	SKF	Châu Âu/G7	129	PC	53901059		Item No: 20 Part No: P10078142
24		Sealing		Howden	Châu Âu/G7	136	PC	53901037		Item No: 31



STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
										Part No: V8513537
25		Lock washer	MB3	SKF	Châu Âu/G7	87	PC	47042184		Item No: 24 Part No: P80001787
26		Lock nut	KM3	SKF	Châu Âu/G7	87	PC	46702007		Item No: 25 Part No: P80001770
	GAH		TYPE & SIZE: 2xCVUP3 13.2/2000	Doosan						
		GEAR REDUCER								SH1-DHI- P0HLD-M-M01- MAN-1665 (page: 38)
27		OVER RUNNING CLUTCH	MG-600	SAMBO CLUTCH	Châu Âu/G7/ OECD	1	PC	58690010		No: 24
28		SEAL FRAME BOTTOM WEAR SHOES	01 Set include: 1. CORE SHOES_01; Size: t20.0 x 1174.5 x 1469.0, Material: FC150 (02 PC) 2. CORE SHOES_02; Size: t20.0 x 1174.5 x 1469.0, Material: FC150 (01 PC) 3. CORE SHOES_03; Size: t20.0 x 1469.0 x 1541.0, Material: FC150 (01 PC) 4. RADIAL SHOES_01; Size: t20.0 x 625.0 x 1200.0, Material: FC150 (15 PC) 5. RADIAL SHOES_02; Size: t20.0 x 625.0 x 1398.1, Material: FC150 (03 PC) 6. RADIAL SHOES_03; Size: t20.0 x 625.0 x 1596.4, Material: FC150 (03 PC) 7. RADIAL SHOES_04; Size: t20.0 x 625.0 x 1794.7, Material:	Howden	Châu Âu/G7/ OECD	2	SET	53295038		SH1-DHI- P0HLD-M-M01- MAN-1664 (page: 22)



STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
			FC150 (03 PC) 8. RADIAL SHOES_05; Size: t20.0 x 291.5 x 1866.9, Material: FC150 (03 PC) 9. CIRCUMFERENCE SHOES_01; Size: t20.0 x 195.6 x 1188.9, Material: FC150 (06 PC) 10. CIRCUMFERENCE SHOES_02; Size: t20.0 x 190.3 x 1062.3, Material: FC150 (28 PC)							
29		SEAL FRAME TOP WEAR SHOES	01 Set include: 1. CORE SHOES_01; Size: t20.0 x 1174.5 x 1469.0, Material: FC150 (02 PC) 2. CORE SHOES_02; Size: t20.0 x 1174.5 x 1469.0, Material: FC150 (01 PC) 3. CORE SHOES_03; Size: t20.0 x 1469.0 x 1541.0, Material: FC150 (01 PC) 4. RADIAL SHOES_01; Size: t20.0 x 625.0 x 1200.0, Material: FC150 (15 PC) 5. RADIAL SHOES_02; Size: t20.0 x 625.0 x 1398.1, Material: FC150 (03 PC) 6. RADIAL SHOES_03; Size: t20.0 x 625.0 x 1596.4, Material: FC150 (03 PC) 7. RADIAL SHOES_04; Size: t20.0 x 625.0 x 1794.7, Material: FC150 (03 PC) 8. RADIAL SHOES_05; Size: t20.0 x 291.5 x 1866.9, Material: FC150 (03 PC) 9. CIRCUMFERENCE SHOES_01; Size: t20.0 x 195.6 x 1188.9, Material: FC150 (06 PC) 10. CIRCUMFERENCE SHOES_02; Size: t20.0 x 190.3 x 1062.3, Material: FC150 (28 PC)	Howden	Châu Âu/G7/OECD	2	SET	53295039		SH1-DHI-P0HLD-M-M01-MAN-1664 (page: 34)



STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
30		EXpansion Sleeve Bottom Assembly	01 Set include: 1. 0 ANGLE PROFILE L=1014; Size: 101 x 221 x 1014.2, Material: SUS316 (01 PC) 2. 0 ANGLE PROFILE L=1184; Size: 101 x 221 x 1183.6, Material: SUS316 (02 PC) 3. 0 ANGLE PROFILE L=1673; Size: 101 x 221 x 1672.6, Material: SUS316 (08 PC) 4. 0 ANGLE PROFILE L=1673; Size: 101 x 221 x 1672.6, Material: SUS316 (02 PC) 5. CONNECTION PROFILE; Size: 103 x 202 x 180, Material: SUS316 (48 PC) 6. 18 ANGLE R400A PROFILE; Size: 101 x 210 x 215, Material: SUS316 (03 PC) 7. 18 ANGLE PROFILE L=1946; Size: 101 x 225 x 2113, Material: SUS316 (14 PC) 8. 9 ANGLE PROFILE L=1668; Size: 101 x 221 x 2055, Material: SUS316 (06 PC) 9. 30 ANGLE PROFILE L=697; Size: 101 x 250 x 938.1, Material: SUS316 (02 PC) 10. 27 ANGLE R400A PROFILE; Size: 101 x 220 x 275, Material: SUS316 (02 PC) 11. 90 ANGLE PROFILE L=880; Size: 101 x 445 x 1280, Material: SUS316 (06 PC) 12. 126 ANGLE R400A PROFILE; Size: 101 x 400 x 755, Material: SUS316 (01 PC) 13. 60 ANGLE R400A PROFILE; Size: 101 x 355 x 682, Material: SUS316 (01 PC)	Howden	Châu Âu/G7/OECD	2	SET	53295040		SH1-DHI-P0HLD-M-M01-MAN-1664 (page: 88)



STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
31		EXpansion Sleeve Top Assembly	01 Set include: 1. 0 ANGLE PROFILE L=1014; Size: 101 x 221 x 1014.2, Material: SUS316 (01 PC) 2. 0 ANGLE PROFILE L=1184; Size: 101 x 221 x 1183.6, Material: SUS316 (02 PC) 3. 0 ANGLE PROFILE L=1673; Size: 101 x 221 x 1672.6, Material: SUS316 (08 PC) 4. 0 ANGLE PROFILE L=1673; Size: 101 x 221 x 1672.6, Material: SUS316 (02 PC) 5. CONNECTION PROFILE; Size: 103 x 202 x 180, Material: SUS316 (48 PC) 6. 18 ANGLE R400A PROFILE; Size: 101 x 210 x 215, Material: SUS316 (03 PC) 7. 18 ANGLE PROFILE L=1946; Size: 101 x 225 x 2113, Material: SUS316 (14 PC) 8. 9 ANGLE PROFILE L=1668; Size: 101 x 221 x 2055, Material: SUS316 (06 PC) 9. 30 ANGLE PROFILE L=697; Size: 101 x 250 x 938.1, Material: SUS316 (02 PC) 10. 27 ANGLE R400A PROFILE; Size: 101 x 220 x 275, Material: SUS316 (02 PC) 11. 90 ANGLE PROFILE L=880; Size: 101 x 445 x 1280, Material: SUS316 (06 PC) 12. 126 ANGLE R400A PROFILE; Size: 101 x 400 x 755, Material: SUS316 (01 PC) 13. 60 ANGLE R400A PROFILE; Size: 101 x 355 x 682, Material: SUS316 (01 PC)	Howden	Châu Âu/G7/OECD	2	SET	53295041		SH1-DHI-P0HLD-M-M01-MAN-1664 (page: 91)



STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
32		ROTOR RADIAL SEAL ASSEMBLY	01 Set include: 1. RADIAL SEAL PLATE (HA); Size: t12 x 65 x 1548.9, Material: SS400 (24 PC) 2. RADIAL SEAL PLATE (HB); Size: t12 x 65 x 1550.3, Material: SS400 (24 PC) 3. RADIAL SEAL PLATE (HC); Size: t12 x 65 x 2278.3, Material: SS400 (24 PC) 4. RADIAL SEAL PLATE (HD); Size: t12 x 65 x 1538, Material: SS400 (24 PC) 5. RADIAL SEAL PLATE (HE); Size: t12 x 65 x 2314.2, Material: SS400 (24 PC) 6. RADIAL SEAL PLATE (HF); Size: t12 x 65 x 690.9, Material: SS400 (24 PC) 7. RADIAL SEAL PLATE (HG); Size: t12 x 65 x 538.3, Material: SS400 (48 PC) 8. RADIAL SEAL PLATE (CA); Size: t12 x 65 x 1548.9, Material: SS400 (24 PC) 9. RADIAL SEAL PLATE (CB); Size: t12 x 65 x 1550.3, Material: SS400 (24 PC) 10. RADIAL SEAL PLATE (CC); Size: t12 x 65 x 2278.3, Material: SS400 (24 PC) 11. RADIAL SEAL PLATE (CD); Size: t12 x 65 x 1538, Material: SS400 (24 PC) 12. RADIAL SEAL PLATE (CE); Size: t12 x 65 x 2314.2, Material: SS400 (24 PC) 13. RADIAL SEAL PLATE (CF); Size: t12 x 65 x 690.9, Material: SS400 (24 PC) 14. RADIAL SEAL PLATE	Howden	Châu Âu/G7/ OECD	2	SET	53295042		SH1-DHI- P0HLD-M-M01- MAN-1664 (page: 27)



STT	Hệ thống/ Thiết bị	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Nhà cung cấp	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Mã vật tư	Mã KKS	Bản vẽ/ Vị trí
			(CG); Size: t12 x 65 x 538.3, Material: SS400 (48 PC)							
33		COMPRESSION SPRING (POINT A2-BOTTOM CIRCUM)	Size: D83.0xd13xLo310 Material: SWO	Howden	Châu Âu/G7/OECD	30	PC	53295043		SH1-DHI-P0HLD-M-M01-MAN-1664 (page: 50) No: 19



PHỤ LỤC 2: BIỂU CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 2019 /CNPĐ-TM ngày 09 / 10 /2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Cung cấp vật tư Hệ thống Khói gió phục vụ BDĐK năm 2027 – NMNĐ Sông Hậu 1					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

